

Bản án số: 228/2024/DS- PT

Ngày: 21/11/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang, ông Nguyễn Việt Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:* Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2024/TLPT-DS ngày 14/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2024/QĐ-PT ngày 17/10/2024 Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2024/QĐ-PT ngày 01/11/2024 giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn K:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

\* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K – là nguyên đơn (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án dân sự sơ thẩm, tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:*

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:* Anh Nguyễn Văn P là người trúng đấu giá lô đất LK1, khu dân cư xứ đồng C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc

Giang. Ngày 15/7/2023, ông và anh Nguyễn Văn P ký kết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với lô đất LK1 anh P trúng đấu giá nêu trên.

Ông và anh P thoả thuận giá trị lô đất là giá anh P trúng đấu giá (1.039.000.000đồng) cộng 50.000.000đồng (gọi là tiền cênh) tổng là 1.089.000.000đồng và ông phải thanh toán trước cho anh P số tiền anh P đặt trước để tham gia đấu giá là 124.656.000 đồng và 50.000.000đồng. Tổng số tiền ông phải thanh toán cho anh P là 174.656.000 đồng, ông đã thanh toán đủ số tiền này. Hai bên có ký hợp đồng uỷ quyền đi nộp tiền nhưng không thoả thuận dùng tiền của ông đi nộp và anh P cũng không đưa tiền cho ông để đi nộp.

Do không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền đấu giá đất nên UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang đã huỷ kết quả đấu giá của anh P cho lên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không thể thực hiện được.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Toà án: Tuyên hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/7/2023 giữa ông với anh Nguyễn Văn P là vô hiệu, buộc anh P phải trả lại ông số tiền là 174.565.000 đồng.

Căn cứ xác định hợp đồng vô hiệu là tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc phía bị đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm quy định điều kiện chuyển nhượng tại Điều 186 Luật đất đai. Tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc bị đơn không đủ điều kiện chuyển nhượng, bị đơn chưa có đất nên đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện được là vi phạm quy định tại Điều 408 Bộ luật dân sự. Căn cứ vào Điều 131 Bộ luật dân sự về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc anh P trả lại số tiền 174.656.000 đồng. Việc ký hợp đồng đặt cọc thì nghĩa vụ nộp tiền là của ông P, không phải của ông K. Hợp đồng uỷ quyền giữa hai bên là độc lập với hợp đồng đặt cọc đã ký. Trong hợp đồng uỷ quyền không nói rõ sử dụng tiền của ông K để nộp tiền trúng đấu giá.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Anh làm nghề tự do và có nhu cầu mua đất để ở. Ngày 15/7/2023, anh có tham gia đấu giá để mua đất ở trong phiên đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu dân cư xứ đồng C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Trước khi tham gia đấu giá anh phải nộp cọc vào nhà nước đại diện là Công ty Đ tổ chức đấu giá là: 124.656.000 đồng và 500.000 đồng tiền hồ sơ. Quá trình tham gia đấu giá anh đã đấu giá trúng lô số 03 LK01 có diện tích 103,88m<sup>2</sup> tại khu dân cư xứ đồng C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang với giá trúng là: 1.039.000.000đồng.

Sau khi công bố kết quả trúng đấu giá thì ông Nguyễn Văn K biết anh trúng lô đất trên nên có gặp và đề nghị với anh là muốn mua lại thửa đất là lô số 03 LK01 có diện tích 103,88m<sup>2</sup> tại khu dân cư xứ đồng C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc giang. Do đất trúng đấu giá nên chưa có sổ đỏ nên anh đã nói rõ với

ông K là lúc nào có sổ đỏ thì mua nhưng ông K muốn mua luôn và 2 bên đã thỏa thuận là đặt cọc và thanh toán tiền chênh tức là tiền lãi của anh được, còn lại anh sẽ ủy quyền cho ông K đi nộp tiền, cấp sổ, khi nào có sổ thì tiến hành giao dịch, ông K đồng ý và cũng mua 2 lô tiếp theo của người khác như thế. Tiếp theo hai bên thỏa thuận về giá mua và phương thức thanh toán cụ thể như sau:

Đầu tiên hai bên giao ước với nhau bằng Hợp đồng đặt cọc ngày 15/07/2023, trong hợp đồng đặt cọc có nói rõ số tiền bán: 1.089.000.000 đồng; ông K đặt cọc: 100.000.000 đồng; khi nhận quyết định trúng đấu giá của UBND huyện ông K có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu của tiền cọc nhà nước và tiền chênh so với giá đấu cụ thể:  $(124.656.000\text{đồng} + 50.000.000\text{đồng} - 100.000.000\text{đồng đã cọc} = 74.656.000\text{đ})$ . Sau đó ông K có trách nhiệm vào tiền theo tiến độ nhà nước theo Quyết định trúng đấu giá.

Sau khi nhận quyết định trúng đấu giá, ngày 21/07/2023 anh cùng ông K đến UBND xã H để làm hợp đồng Ủy quyền, nội dung của Hợp đồng Ủy quyền là: Ông K thay mặt anh nộp tiền trúng đấu giá thửa đất nêu trên và làm tất cả các thủ tục liên quan đến việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định; nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; làm xong hợp đồng Ủy quyền anh đã bàn giao toàn bộ hồ sơ trúng đấu giá gồm: Quyết định trúng đấu giá, thông báo nộp thuế, thông báo nộp tiền cho ông K và nhận số tiền còn thiếu của ông K là: 74.656.000đồng (tổng số tiền đã nhận của ông K là: 174.656.000đồng trong đó có 124.656.000đồng anh đã nộp tiền cọc vào nhà nước). Tiếp theo hai bên có giao kết với nhau sau khi ông K nộp tiền và xin cấp giấy chứng nhận lô đất nêu trên xong thì 2 bên sẽ đến UBND xã H tiến hành làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận cho ông K.

Sau thời gian trên thì thoả anh có gặp ông K và đều nhắc ông K đi nộp tiền và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo hợp đồng Ủy Quyền, ông K đồng ý và không có ý kiến gì thêm. Do anh có nhiều việc cá nhân cộng với việc anh đã nhắc nhở và Ủy quyền hết cho ông K thay mặt anh đi nộp tiền và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử hữu đất và anh được biết ông K cũng mua thêm 02 thửa đất là lô số 01 và lô số 02 cạnh lô của anh. Anh nghĩ ông K là người hiểu biết luật pháp, hiểu biết quy trình cấp giấy chứng nhận nên anh rất yên tâm là ông K sẽ đi nộp tiền theo quy định của cơ quan nhà nước. Sau đó anh cũng không nhớ việc này nữa.

Sau khi hết 120 ngày hạn nộp tiền vào cơ quan nhà nước, ông K mới liên hệ với anh nói là cả 3 lô đất ông K mua đều chưa nộp tiền và đề nghị anh xin gia hạn cho ông K về thửa đất của anh trúng xem được không, anh rất bất ngờ, đã nhanh chóng liên hệ với cơ quan nhà nước về việc trên và xin gia hạn nộp tiền nhưng không được. Anh có liên hệ với ông K về việc này ông K vẫn bảo đang xin gia

hạn nộp tiền. Gần đây anh mới nhận được thông báo hủy kết quả trúng đấu giá của cơ quan nhà nước về lô số 03 LK01 có diện tích 103,88m<sup>2</sup> tại khu dân cư xú đồng C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang, trước đó anh không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía cơ quan nhà nước. Sau khi nhận quyết định hủy kết quả đấu giá anh có thông báo cho ông K thì ông K không có ý kiến gì thêm.

Từ đó đến nay ông K không nói gì với anh và đến ngày 19/03/2024 anh nhận được thông báo từ Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa về việc ông K có khởi kiện anh yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc giữa anh và ông K ngày 15/7/2023 vô hiệu và yêu cầu anh phải trả số tiền 174.565.000 đồng.

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K vì anh xác định anh không làm gì sai so với hợp đồng đặt cọc, hợp đồng đặt cọc chỉ là giao kết để ông K đi nộp tiền và sau đó tiến hành chuyển nhượng. Anh và ông K mua bán là có thỏa thuận với nhau rõ ràng. Anh đã làm Hợp đồng Ủy quyền toàn bộ cho ông K đi nộp tiền và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận, cũng nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông K đi nộp tiền. Bản thân ông K là người hiểu biết xã hội, ông K mua một lúc 3 lô đất đều không nộp tiền, thời gian nhà nước cho nộp tiền kéo dài 120 ngày, suốt thời gian 120 ngày đó ông K không liên hệ với anh về việc không mua đất nữa hoặc trình bày bất kỳ khó khăn vướng mắc gì. Anh cũng đang đặt ra câu hỏi tại sao ông K mua một lúc 3 lô đất trên của 3 người khác nhau, nhận Hợp đồng Ủy quyền, cầm toàn bộ hồ sơ đi nộp tiền để cấp giấy chứng nhận nhưng cả 3 lô đất đều không tiến hành nộp tiền, không thông báo cho bên bán.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;  
Căn cứ các Điều 120; Điều 408 Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc ký ngày 15/7/2023 giữa ông Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Văn P có nội dung đặt cọc mua bán thửa đất số 03LK01 tại khu dân cư C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang là vô hiệu.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc buộc anh Nguyễn Văn P phải trả cho ông K số tiền 174.656.000 đồng.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu và 8.732.280 đồng tiền án phí đối với yêu cầu trả tiền nhưng không được chấp nhận. Ông K được trừ vào số tiền

4.364.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003824 ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn K nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng đặt cọc thì ông K đã nộp tiền cọc, nộp tiền kênh cho anh P còn tiền vào nhà nước chưa nộp vì nghĩa vụ nộp tiền là của ông P, không phải của ông K. trong hợp đồng ủy quyền không nói rõ sử dụng tiền của ông K để nộp tiền trúng đấu giá. Do anh P vi phạm nghĩa vụ không nộp tiền trúng đấu giá vào nhà nước theo thỏa thuận tại Điều 4 hợp đồng đặt cọc nên phải hủy hợp đồng đặt cọc và trả lại tiền cọc cho ông K.

Bị đơn - anh P trình bày: Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, anh đã giao toàn bộ hồ sơ trúng đấu giá cho ông K gồm quyết định trúng đấu giá đất, thông báo nộp thuế, thông báo nộp tiền cho ông K, sau đó ngày 21/7/2023 anh cùng ông K đến UBND xã H để làm hợp đồng ủy quyền. Theo hợp đồng đặt cọc hai bên đã ký thoả thuận ông K là người có trách nhiệm nộp tiền vào nhà nước. Việc ông K không nộp tiền vào nhà nước dẫn đến bị huỷ kết quả trúng đấu giá, mất số tiền cọc đã nộp vào nhà nước là lỗi do ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ và phân tích những tình tiết của vụ án, Kiểm sát viên xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân huyện Hiệp Hoà.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K làm trong thời hạn, theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên là đơn kháng cáo hợp lệ. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử thấy:

Theo trình bày của các đương sự, tài liệu thu thập được thể hiện ngày 15/7/2023 giữa anh Nguyễn Văn P (Bên A) và ông Nguyễn Văn K (Bên B) ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là lô đất số 03 LK01 tại khu dân cư C, thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (lô đất số 03 LK01 do anh Nguyễn Văn P trúng đấu giá ngày 15/7/2023). Tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc, lô đất mới được công nhận kết quả trúng đấu giá, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự thì “*Đặt cọc là việc một bên giao cho bên kia một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để đảm bảo giao kết hoặc thực hiện hợp đồng*”. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều trình bày việc ký hợp đồng đặt cọc mục đích đảm bảo cho hai bên ký kết thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhau, không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do vậy, ý kiến của nguyên đơn cho rằng tại thời điểm ký hợp đồng đặt cọc đối tượng của hợp đồng không có, bị đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vi phạm quy định điều kiện chuyển nhượng tại Điều 186 Luật đất đai, Điều 408 Bộ luật dân là không có căn cứ.

Tại hợp đồng đặt cọc ngày 15/7/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận phía nguyên đơn (bên B) có trách nhiệm “*Vào tiền cọc và tiền kênh cho bên A và nhà nước. Vào tiền theo thời hạn của nhà nước khi có quyết định trúng đấu giá vào tiền cọc và tiền kênh*”. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông K trình bày ông K đã thực hiện việc nộp tiền cọc, nộp tiền kênh còn khoản tiền nộp vào nhà nước (tiền đất) ông K không có nghĩa vụ nộp, vì đó là nghĩa vụ của anh P. Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 21/7/2023 có ghi nhận nội dung thỏa thuận của bị đơn - anh P (bên ủy quyền) cho nguyên đơn - ông K

(bên nhận ủy quyền) “*ủy quyền cho nguyên đơn nộp tiền trúng đấu giá thửa đất trên và làm tất cả các thủ tục liên quan đến việc nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định*”. Các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng ủy quyền hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm pháp luật, hợp đồng ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực. Như vậy, theo thỏa thuận tại Hợp đồng ủy quyền thì trách nhiệm nộp tiếp số tiền còn thiếu theo kết quả trúng đấu giá là thuộc trách nhiệm của phía nguyên đơn (ông K). Việc ông K không nộp tiền trúng đấu giá là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng đặt cọc, hợp đồng ủy quyền. Do vậy, việc ông K khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng đặt cọc vô hiệu, buộc anh P trả lại tiền cọc là không có căn cứ theo Điều 117, Điều 328, Điều 408 Bộ luật Dân sự. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004090 ngày 08/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận ông Nguyễn Văn K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

-VKSND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP

**Triệu Thị Luyện**